

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019.

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Ông Đỗ Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 1544, Tổ 2, Ấp 3, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Thanh T2, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 31/6, Tổ 6, Ấp 3, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị Thanh T2 sống chung với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại Ấp 3, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị T2 ham chơi cờ bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi chơi nên không quan tâm đến cuộc sống của gia đình. Từ khoảng tháng 4/2019, chị T2 đã chuyển ra nhà trọ sinh sống và vợ chồng đã ly thân cho

đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với chị Đặng Thị Thanh T2.

Về con chung: Anh và chị T2 có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Ngọc Minh T3, sinh ngày 12/3/2009 và Huỳnh Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/9/2016. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn chị Đặng Thị Thanh T2 trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập chị T2 nhiều lần nhưng chị T2 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Minh T3, sinh ngày 12/3/2009 và cháu Huỳnh Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/9/2016 cho anh T nuôi dưỡng; tạm thời chị T2 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đặng Thị Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T2.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa anh T và chị T2 xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển 01, ngày 18/01/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 4/2019 đến nay, anh T và chị T2 đã sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập chị T2 nhiều lần nhưng chị T2 vắng mặt không có lý

do chứng tỏ chị T2 không quan tâm đến chồng con; Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T2.

Về con chung: anh T và chị T2 có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Ngọc Minh T3, sinh ngày 12/3/2009 và Huỳnh Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/9/2016. Hiện 02 cháu sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi cháu T3 và cháu T4, hơn nữa cháu T3 cũng có nguyện vọng ở với anh T nên xử giao cháu T3 và cháu T4 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh T không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Anh Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 147, 203 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc T đối với chị Đặng Thị Thanh T2 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Xử cho anh Huỳnh Ngọc T được ly hôn với chị Đặng Thị Thanh T2.

2. Về con chung: Anh Huỳnh Ngọc T và chị Đặng Thị Thanh T2 có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Ngọc Minh T3, sinh ngày 12/3/2009 và Huỳnh Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/9/2016. Xử giao cháu Huỳnh Ngọc Minh T3, sinh ngày 12/3/2009 và Huỳnh Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/9/2016 cho anh Huỳnh Ngọc T được quyền nuôi dưỡng, tạm thời chị Đặng Thị Thanh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T, chị T2 vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. chị T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0005156 ngày 21/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. anh T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Huỳnh Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đặng Thị Thanh T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

